

Từ triết lý “dĩ bất biến ứng vạn biến” đến chủ trương “tự chủ chiến lược”: Luận cứ phản bác các luận điệu xuyên tạc đường lối đối ngoại của Việt Nam

Trần Thị Thuý*

Nhận ngày 12 tháng 4 năm 2026. Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 6 năm 2026.

Tóm tắt: Hồ Chí Minh không chỉ là nhà tư tưởng, nhà chính trị kiệt xuất mà còn là nhà ngoại giao lỗi lạc. Tư tưởng ngoại giao của Người được kết tinh trong triết lý “dĩ bất biến ứng vạn biến” - sự kết hợp biện chứng giữa kiên định nguyên tắc và linh hoạt sách lược. Trên nền tảng đó, Đảng ta đã kế thừa và phát triển thành quan điểm “tự chủ chiến lược”, coi đây là trục xuyên suốt của đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa. Bài viết làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của quá trình phát triển tư duy này, đồng thời phân tích những trụ cột nội lực toàn diện nhằm hiện thực hóa chủ trương “tự chủ chiến lược”. Trên cơ sở đó, bài viết nhận diện, phản bác các luận điệu xuyên tạc, khẳng định tính đúng đắn, khoa học của đường lối đối ngoại của Đảng, qua đó góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam, dĩ bất biến ứng vạn biến, tự chủ chiến lược, đường lối đối ngoại.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: Hồ Chí Minh was not only an outstanding thinker and political leader but also an eminent diplomat. His diplomatic thought is crystallized in the philosophy of “using an unchanging principle to cope with infinite changes” (“dĩ bất biến ứng vạn biến”) - a dialectical combination of principled steadfastness and tactical flexibility. On that foundation, the Communist Party of Vietnam has inherited and developed the philosophy into the concept of “strategic autonomy”, regarding it as the overarching orientation of an independent, self-reliant, multilateralized and diversified foreign policy line. This article clarifies the theoretical and practical foundations of the development process of the thinking, while analyzing the comprehensive pillars of internal strength required to realize the orientation of strategic autonomy. On that basis, the article identifies and refutes distorted narratives, affirming the correctness and scientific validity of the Party’s foreign policy line, and thereby contributes to firmly safeguarding its ideological foundation.

Keywords: Hồ Chí Minh, Communist Party of Vietnam, using an unchanging principle to cope with infinite changes, strategic autonomy, foreign policy line.

Subject classification: Political science

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh thế giới thay đổi nhanh chóng, khó lường, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng và các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng phức tạp, vấn đề giữ vững độc lập, tự chủ và định hình đường lối đối ngoại phù hợp trở thành yêu cầu mang tính sống còn đối với mọi quốc gia. Đối với Việt Nam, tư duy “tự chủ chiến lược” không phải là sự lựa chọn nhất thời, mà là kết quả của quá trình vận dụng, phát triển sáng tạo từ triết lý “dĩ bất biến ứng vạn biến” của Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, các thế lực thù địch và phần tử cơ hội

* Trường Chính trị tỉnh Nghệ An.
Email: tranthuyetna@gmail.com

đã không ngừng xuyên tạc, bóp méo tính đúng đắn của chủ trương này nhằm gây hoài nghi và làm suy giảm niềm tin của Nhân dân vào đường lối lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, việc làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và tính đột phá của tư duy “tự chủ chiến lược”, kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ cấp thiết trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về đối ngoại, bảo vệ Tổ quốc và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Bài viết sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như: phân tích - tổng hợp tài liệu; logic - lịch sử; so sánh, đối chiếu và khái quát hóa lý luận nhằm làm rõ sự kế thừa và phát triển từ triết lý “dĩ bất biến ứng vạn biến” đến chủ trương “tự chủ chiến lược”. Ngoài ra, bài viết còn vận dụng phương pháp phân tích diễn ngôn chính trị để nhận diện các luận điệu xuyên tạc về đường lối đối ngoại của Đảng, từ đó luận giải cơ sở khoa học và thực tiễn của việc kiên định đường lối đối ngoại “tự chủ chiến lược” trong kỷ nguyên phát triển mới.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Triết lý “dĩ bất biến ứng vạn biến” của Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên độc lập, tự do

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời trong bối cảnh vô cùng cam go: chính quyền non trẻ, kinh tế kiệt quệ, xã hội bất ổn và phải đối diện nhiều thế lực chống phá. Trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” đó, tư tưởng “dĩ bất biến ứng vạn biến” đã trở thành trục định hướng chiến lược giúp Đảng ta xử lý linh hoạt mọi tình huống. Vượt ra khỏi giới hạn của hoàn cảnh lịch sử cụ thể, tư tưởng đó của Người đã được phát triển thành triết lý có giá trị bền vững và định hướng lâu dài.

Thứ nhất, giữ vững mục tiêu tối thượng là độc lập dân tộc và đề cao lợi ích quốc gia. Trong tư duy Hồ Chí Minh, lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc không chỉ là một giá trị định hướng, mà là nguyên tắc nền tảng có ý nghĩa quyết định toàn bộ quan điểm và hành động cách mạng. Đây là “giới hạn đỏ” không thể bị xâm phạm cũng như không chấp nhận bất kỳ sự nhân nhượng, thỏa hiệp nào. Chính việc xác lập dứt khoát nguyên tắc này đã giúp Việt Nam không rơi vào trạng thái dao động, đánh đổi lợi ích cốt lõi; cũng như không bị trói buộc bởi tư duy bảo thủ, cứng nhắc. Trước yêu cầu cấp bách của lịch sử, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đặt lên trên hết, trước hết, bởi lẽ: “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, t. 7: 113). Đây là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tiễn của Việt Nam, khi mâu thuẫn giữa nhân dân ta với chủ nghĩa thực dân, phát xít trở thành mâu thuẫn cơ bản, đòi hỏi phải đặt nhiệm vụ cứu nước, giành độc lập dân tộc lên vị trí ưu tiên hàng đầu.

Ngay sau khi giành chính quyền, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã định vị rõ ràng trục chiến lược “bất biến” cho toàn bộ tiến trình cách mạng. Độc lập dân tộc không chỉ mang ý nghĩa chấm dứt ách áp bức, mà còn là sự khẳng định quyền tự quyết thiêng liêng của dân tộc Việt Nam. Giá trị ấy được hun đúc từ ý chí sắt đá: “Dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập” (Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, 2016, t.2: 255). Trên nền tảng đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Mục đích bất di, bất dịch của ta vẫn là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, nguyên tắc của ta thì phải vững chắc nhưng sách lược của ta thì linh hoạt” (Hồ Chí Minh, 2011, t.8: 555).

Trong một thời gian dài, Chủ tịch Hồ Chí Minh bị “hiểu nhầm” là người theo “chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi” khi đặt vấn đề dân tộc cao hơn vấn đề giai cấp và vấn đề quốc tế. Thực chất, trong bối cảnh lịch sử cụ thể đó, Hồ Chí Minh đã quán triệt và vận dụng một cách sâu sắc triết lý: lấy độc lập dân tộc và lợi ích quốc gia làm nguyên tắc bất biến, đồng thời linh hoạt về sách lược, phương thức để thích ứng với những biến động phức tạp của tình hình quốc tế. Chính vì vậy, tư tưởng của Người không hề khép kín mà mang tính linh hoạt, gắn độc lập dân tộc với hòa bình, hợp tác và tiến bộ xã hội. Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng đã khẳng định tầm vóc tư tưởng của Người, đồng thời bác bỏ triệt để mọi cách diễn giải sai lệch, xuyên tạc.

Thứ hai, vận dụng sách lược mềm dẻo, phù hợp với từng tình thế cụ thể. Trên nền tảng kiên định mục tiêu chiến lược, Hồ Chí Minh chủ trương xử lý các mối quan hệ đối nội, đối ngoại bằng phương thức hết sức linh hoạt. Đó là nghệ thuật lựa chọn thời điểm, đối tác, phương thức hành động phù hợp nhằm “hóa giải” thế bất lợi, tranh thủ thời cơ và tránh đối đầu trực diện với kẻ thù. Linh hoạt ở đây không phải là sự tùy tiện hay thay đổi lập trường, mà là sự thích ứng có nguyên tắc, bảo đảm mỗi bước đi đều phục vụ cho mục tiêu lâu dài.

Trong tình thế phải đối diện cùng lúc với nhiều đối tượng: quân Tưởng, thực dân Pháp và các lực lượng phản động trong nước, Đảng và Chính phủ đã vận dụng linh hoạt sách lược, tạm thời hòa hoãn có nguyên tắc, chủ động lùi một bước để tiến hai bước. Việc ký Hiệp định Sơ bộ ngày 06/3/1946 với Pháp là một quyết định mang tính chiến lược nhằm kéo dài thời gian hòa hoãn, tạo điều kiện chuẩn bị lực lượng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhận định Hiệp định Sơ bộ cũng giống Hòa ước Brest-Litovsk (năm 1918) giữa Đế quốc Đức và nước Nga Xô viết, một sự nhân nhượng để “đợi chờ cơ hội đi đến một nền độc lập nguyên vẹn” (Philippe Devillers, 2003: 180-182). Khả năng xử lý tình huống một cách tinh táo, tránh rơi vào thế đối đầu bất lợi hoặc tư duy cứng nhắc chính là bản lĩnh của một chủ thể biết mình là ai, cần phải làm gì trong từng hoàn cảnh cụ thể. Thế nhưng, việc Chủ tịch Hồ Chí Minh chấp nhận nhường 70 ghế Quốc hội và một số vị trí trong Chính phủ cho Việt Quốc, Việt Cách từng bị quy kết là sự nhượng bộ vô nguyên tắc, là biểu hiện của sự dao động, thậm chí bị cho là “bán nước”. Thực chất, đây là quyết sách chiến lược đặt trong bối cảnh lịch sử đặc biệt phức tạp sau Cách mạng tháng Tám: chủ động hòa hoãn, phân hóa đối tượng, tranh thủ thời gian để củng cố chính quyền non trẻ, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc.

Thứ ba, lấy nội lực dân tộc làm nền tảng, bảo đảm khả năng ứng biến với những thay đổi nhanh chóng, phức tạp của tình thế bên ngoài. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh rằng, trong mọi hoàn cảnh: “Muốn người ta giúp cho, trước hết ta phải tự giúp lấy mình” (Hồ Chí Minh, 2011, t. 5: 285) bởi chỉ khi có nội lực đủ mạnh, cách mạng mới có thể chủ động trước mọi tình huống. Nội lực ở đây không đơn thuần là tiềm lực kinh tế hay quân sự, mà còn là sự thống nhất về ý chí chính trị, là niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, là sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết hợp thành “thế” và “lực” của cách mạng.

Nội lực chính trị là khả năng giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc, xây dựng chính quyền cách mạng đủ bản lĩnh và uy tín để lãnh đạo đất nước. Việc xây dựng hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động đã tạo nên sức mạnh dân tộc. Đây là yếu tố quyết định để vượt qua tình thế nguy nan lúc bấy giờ.

Nội lực kinh tế - xã hội tuy còn hạn chế nhưng được khai thác theo tinh thần tự lực, tự cường. Các phong trào như diệt giặc đói, giặc dốt, tăng gia sản xuất không chỉ giải quyết khó khăn trước mắt mà còn tạo nên tảng lâu dài cho sự ổn định và phát triển.

Nội lực tinh thần là nguồn sức mạnh đặc biệt quan trọng. Tinh thần yêu nước, ý chí độc lập, khát vọng tự do được khơi dậy mạnh mẽ trong toàn dân đã trở thành động lực nội sinh to lớn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng xây dựng niềm tin của Nhân dân đối với chế độ mới, bởi đó chính là “chất keo” gắn kết xã hội và tạo nên sự đồng thuận rộng rãi.

Nội lực đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy như một chiến lược lâu dài. Quan điểm: “Đoàn kết tất cả những người thật sự yêu Tổ quốc, yêu hòa bình, không phân biệt họ thuộc đảng phái nào, tôn giáo nào, tầng lớp nào và quá khứ họ đã hợp tác với phe nào” (Hồ Chí Minh, 2011, t.10: 119-120) nhằm tập hợp tối đa lực lượng đã tạo nên thế trận lòng dân vững chắc.

Nội lực về đối ngoại được thể hiện ở khả năng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Trong khi kiên định nguyên tắc độc lập, Hồ Chí Minh đã vận dụng linh hoạt các sách lược ngoại giao để tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, giảm thiểu áp lực và tạo thêm không gian chiến lược cho đất nước.

“Dĩ bất biến ứng vạn biến” không chỉ là phương châm hành động, mà còn là sự kết tinh tư duy chiến lược mang tầm khái quát cao của Hồ Chí Minh trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, trực tiếp là quan điểm của V.I. Lênin. Nếu trong hoàn cảnh chính quyền Xô viết non trẻ bị bao vây và đe dọa, V.I. Lênin đã đề xuất “một bước tiến, hai bước lùi” như một sự điều chỉnh sách lược nhằm bảo toàn lực lượng; thì Hồ Chí Minh đã nâng tầm tư duy đó thành một nguyên lý ứng xử mang tính linh hoạt toàn diện. Giá trị nổi bật của tư tưởng này là xác lập rành mạch mối quan hệ giữa cái “bất biến” là độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, lợi ích tối cao của Nhân dân; với cái “vạn biến” là sách lược, phương thức và đối sách linh hoạt trước mọi biến động của thời cuộc. Trong kỷ nguyên độc lập, triết lý ấy đã giúp cách mạng Việt Nam vượt qua thế hiểm nghèo, giữ vững chính quyền, tranh thủ thời cơ và từng bước đưa đất nước phát triển. Xa hơn, đây còn là nền móng tư duy chiến lược của Đảng: kiên định mục tiêu, giữ vững nguyên tắc, đồng thời chủ động thích ứng với cục diện thế giới biến động. Theo dòng chảy tư duy đó, chủ trương “tự chủ chiến lược” chính là sự vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên phát triển mới.

3.1.2. Quan điểm "tự chủ chiến lược" của Đảng ta trong kỷ nguyên phát triển mới

Đại hội XIV của Đảng xác định: “Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, bảo đảm tự chủ chiến lược, đa phương hoá, đa dạng hoá trong quan hệ quốc tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, t.2: 264). Một quốc gia không thể đi xa nếu chỉ chạy theo những cơ hội nhất thời; phát triển bền vững đòi hỏi một tầm nhìn đủ sâu để giải đáp những câu hỏi mang tính thời đại: vị thế và con đường phát triển của mỗi quốc gia. “Tự chủ chiến lược” chính là bản lĩnh chính trị và trí tuệ của Đảng cầm quyền, thể hiện năng lực nhận diện đúng thời thế, kiên định lợi ích quốc gia - dân tộc, đồng thời chủ động lựa chọn bước đi phù hợp trong từng giai đoạn phát triển. Đó không phải là tư duy khép kín hay phòng thủ bị động, mà là phương thức kiến tạo tương lai bằng nội lực vững mạnh, tầm nhìn dài hạn và khả năng thích ứng linh hoạt trước mọi biến động của thời cuộc.

Thứ nhất, chủ động chiến lược. Trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, có xu hướng phân mảnh, phân cực sâu sắc; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, xung đột cục bộ kéo dài, yêu cầu chủ động chiến lược nổi lên như một điều kiện tiên quyết để giữ vững ổn định và bảo đảm phát triển lâu dài. Đại hội XIV khẳng định: “Nâng cao năng lực dự báo chiến lược, giữ vững thế chủ động chiến lược; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, t.2: 74).

Toàn cầu hóa xét đến cùng, là một tiến trình có tính hai mặt: vừa mở ra không gian hợp tác và cơ hội tiếp cận nguồn lực, vừa đặt ra nguy cơ lệ thuộc nếu quốc gia thiếu bản lĩnh định hướng. Khi không giữ thế chủ động, một quốc gia rất dễ rơi vào tình trạng bị dẫn dắt về thể chế, bị phụ thuộc về công nghệ và bị động trong phân bổ nguồn lực, từ đó suy giảm khả năng tự quyết. Ngược lại, khi giữ vững thế chủ động chiến lược, các quốc gia có điều kiện phát huy hiệu quả sự kết hợp giữa sức mạnh nội sinh với nguồn lực bên ngoài. Đó không phải là sự hòa tan, mà là sự hội nhập có chọn lọc, trên cơ sở nguyên tắc và lợi ích quốc gia. Chính năng lực chủ động cho phép tận dụng các cơ hội từ môi trường quốc tế

mà không đánh đổi độc lập dân tộc, đồng thời nâng cao khả năng ứng phó trước những biến động phức tạp của cục diện toàn cầu.

Trong bối cảnh năm 2026, cục diện thế giới tiếp tục vận động theo chiều hướng bất ổn, xung đột Nga - Ukraine kéo dài, cạnh tranh Mỹ - Trung gia tăng tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, cùng với những bất ổn mới tại Trung Đông đã tạo ra những bất ổn của môi trường quốc tế. Bên cạnh đó, các yếu tố như đứt gãy cục bộ chuỗi cung ứng, biến động thị trường năng lượng và sự cạnh tranh công nghệ toàn cầu đang tạo ra những thách thức đa chiều đối với các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển. Trước bối cảnh đó, Việt Nam kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, không tham gia các liên kết đối đầu, đồng thời chủ động mở rộng và nâng tầm quan hệ đối tác theo hướng cân bằng, linh hoạt và hiệu quả. Đây không chỉ là sự lựa chọn mang tính nguyên tắc, mà còn là biểu hiện tập trung của tư duy chủ động chiến lược lấy lợi ích quốc gia - dân tộc làm yêu cầu cao nhất trong hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại.

Trên phương diện thực tiễn, Việt Nam không dừng lại ở thích ứng bị động, mà đã chủ động dự báo xu thế, kịp thời điều chỉnh chính sách kinh tế đối ngoại theo hướng đa dạng hóa thị trường, đối tác và chuỗi cung ứng, qua đó nâng cao năng lực ứng phó của nền kinh tế trước các tác động bên ngoài. Việc tập trung phát triển nội lực, đặc biệt trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, công nghệ, năng lượng... đã tạo nền tảng vững chắc cho việc hiện thực hóa “tự chủ chiến lược” trong dài hạn. Đối với các thách thức an ninh phi truyền thống và diễn biến phức tạp trên Biển Đông, Việt Nam vừa kiên trì giải quyết bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp và các thông lệ quốc tế, vừa tích cực tham gia và phát huy vai trò trong các cơ chế hợp tác khu vực và toàn cầu. Tuy nhiên, các thế lực thù địch đã cố tình xuyên tạc quan điểm chủ động chiến lược, quy kết đó là biểu hiện của sự “đu dây”, thiếu nhất quán hoặc né tránh lựa chọn. Đây thực chất là sự đánh tráo khái niệm nhằm phủ nhận tính khoa học và thực tiễn của đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Đảng ta. Cần khẳng định rõ ràng, chủ động chiến lược không phải là lưỡng lự hay thỏa hiệp mà là năng lực dự báo, lựa chọn và kiến tạo môi trường phát triển phù hợp với lợi ích quốc gia - dân tộc. Chính sự kết hợp giữa kiên định nguyên tắc và linh hoạt sách lược đã giúp Việt Nam giữ vững thế cân bằng, không bị cuốn vào cạnh tranh nước lớn, qua đó thể hiện rõ bản lĩnh và tầm vóc của một quốc gia chủ động, tự chủ trong một trật tự quốc tế đang biến đổi nhanh chóng.

Thứ hai, kiên định mục tiêu chiến lược, linh hoạt trong phương thức triển khai. Trước hết, “kiên định” phải được hiểu như sự ổn định có nguyên tắc, chứ không phải trạng thái bất biến cứng nhắc. Nội hàm cốt lõi của sự kiên định được xác lập rõ ràng ở mục tiêu tối thượng: “Đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết, trước hết” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, t.2: 392). Đây là giới hạn chiến lược không thể bị xâm phạm, là nền tảng định hướng cho toàn bộ hoạt động đối ngoại mà Đại hội XIV phát triển lên tầm cao mới: “Nâng cao năng lực tự chủ chiến lược của đất nước trên nguyên tắc bảo đảm và ưu tiên cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, t.2: 233). Tuy nhiên, trong một thế giới biến động nhanh, chỉ kiên định về nguyên tắc là chưa đủ. Điểm đặc sắc của Đại hội XIV về tư duy “tự chủ chiến lược” chính là đặt “kiên định” trong mối quan hệ biện chứng với “linh hoạt”. Linh hoạt ở đây được hiểu là khả năng vận dụng mềm dẻo các phương thức, lựa chọn đối tác, điều chỉnh bước đi và cách thức triển khai phù hợp với từng bối cảnh cụ thể. Chính yếu tố linh hoạt sẽ tạo ra khả năng xoay chuyển chiến lược để Việt Nam xử lý hiệu quả các quan hệ quốc tế đa chiều, thích ứng với những thay đổi phức tạp của môi trường toàn cầu mà vẫn giữ vững nguyên tắc chiến lược. Nhờ đó, Việt Nam có thể mở rộng dư địa phát triển, tận dụng cơ hội, hạn chế tối đa những tác động bất lợi từ cạnh tranh giữa các nước lớn.

Trong thực tiễn, nguyên tắc này được thể hiện rõ qua việc Việt Nam kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, không tham gia liên minh quân sự, không đứng về bên này để

chống bên kia, đồng thời duy trì quan hệ cân bằng, ổn định với các đối tác trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi. Đây không chỉ là sự lựa chọn phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước, mà còn là minh chứng sinh động cho năng lực điều tiết quan hệ quốc tế một cách chủ động, có trách nhiệm và hiệu quả.

Chuyến thăm cấp Nhà nước đến Trung Quốc của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm thể hiện rõ tư duy chủ động, nhất quán của Việt Nam trong thực hiện đường lối đối ngoại “tự chủ chiến lược” theo tinh thần Đại hội XIV. Trong bối cảnh cục diện thế giới diễn biến phức tạp, cạnh tranh giữa các nước lớn gia tăng, việc củng cố và phát triển quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với nước láng giềng Trung Quốc là yêu cầu khách quan nhằm giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và mở rộng không gian phát triển. Việc thúc đẩy hợp tác thực chất trên các lĩnh vực then chốt như hạ tầng, kinh tế, công nghệ, kết nối chuỗi cung ứng... cho thấy Việt Nam ngày càng hướng vào việc tạo lập các động lực phát triển cụ thể, thiết thực và bền vững. Đây chính là biểu hiện tập trung của triết lý “ngoại giao cây tre”: gốc vững ở nguyên tắc, thân chắc ở bản lĩnh, cành uyển chuyển trong ứng xử. Trên nền tảng nhất quán là “tự chủ chiến lược”, Việt Nam chủ động mở rộng và làm sâu sắc quan hệ với tất cả các đối tác quan trọng, bao gồm cả Trung Quốc và Hoa Kỳ. Nếu với Trung Quốc, Việt Nam tăng cường ổn định chính trị, kết nối phát triển và kiểm soát bất đồng; thì với Hoa Kỳ, Việt Nam tiếp tục mở rộng hợp tác kinh tế, công nghệ và thị trường. Hai hướng này bổ sung cho nhau, tạo nên thế cân bằng chiến lược linh hoạt, hiệu quả. Vì vậy, mọi luận điệu quy kết việc thiết lập các quan hệ chiến lược là “phản bội lợi ích dân tộc” hay “củng cố chế độ độc tài” đều là sự xuyên tạc có chủ ý, nhằm phủ nhận tính đúng đắn, nhất quán của đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Đảng. Thực tiễn đã khẳng định: Việt Nam ngày càng thể hiện bản lĩnh của một quốc gia “tự chủ chiến lược”, qua đó nâng cao vị thế quốc gia, góp phần củng cố vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trên lĩnh vực đối ngoại.

Thứ ba, xây dựng nội lực toàn diện. Đại hội XIV xác định lấy “nguồn nội lực là chủ đạo” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, t.2: 261) là khâu đột phá trong tư duy “tự chủ chiến lược”, khẳng định sức mạnh nội sinh là nền tảng quyết định bảo đảm độc lập, tự chủ một cách bền vững, thực chất và không bị chi phối bởi các tác động từ bên ngoài. Phát huy nội lực không chỉ là yêu cầu của phát triển, mà là điều kiện tiên quyết đối với sự vững mạnh của quốc gia. Nội lực ấy được cấu thành từ các trụ cột gắn kết hữu cơ, tạo nên sức mạnh tổng hợp, bảo đảm khả năng tự chủ, tự cường và năng lực ứng phó hiệu quả trước mọi biến động.

Nội lực chính trị giữ vai trò nền tảng. Đó là năng lực lãnh đạo toàn diện của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và sự vận hành đồng bộ, thông suốt của cả hệ thống chính trị. Khi các chủ thể này phát huy tốt vai trò, mọi quyết sách sẽ được định hướng nhất quán theo lợi ích quốc gia - dân tộc và được tổ chức thực hiện hiệu quả. Đồng thời, đó còn là biểu hiện của năng lực tự chủ trong tư duy và hành động, bảo đảm quá trình hoạch định và triển khai chính sách không bị chi phối bởi các tác động từ bên ngoài.

Nội lực kinh tế là trụ cột vật chất. Một nền kinh tế độc lập, có khả năng cạnh tranh cao sẽ đóng vai trò như “lá chắn mềm” để đất nước nâng cao khả năng ứng phó trước các biến động phức tạp từ bên ngoài. Trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu tái cấu trúc mạnh mẽ, năng lực tự chủ về sản xuất, công nghệ và thị trường càng trở nên cấp thiết.

Nội lực văn hóa và con người là chiều sâu của sức mạnh nội sinh. Văn hóa không chỉ là bản sắc mà còn là nền tảng tinh thần định hướng hành động, củng cố bản lĩnh và ý chí tự tin, tự chủ, tự cường. Con người Việt Nam phát triển toàn diện chính là chủ thể sáng tạo, quyết định hiệu quả khai thác và phát huy các nguồn lực khác. *Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam* càng củng cố thêm nền tảng tinh thần của dân tộc, khẳng định văn hóa không chỉ là “hồn cốt” mà còn là sức mạnh nội sinh quyết định năng lực tự chủ, tự cường và vị thế quốc gia trong bối cảnh hội nhập toàn diện.

Nội lực xã hội thể hiện ở khả năng tổ chức đời sống xã hội trên nền tảng dân chủ, pháp quyền và khoa học. Đây là điều kiện để bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội, đồng thời duy trì ổn định, là yếu tố cốt lõi của phát triển bền vững.

Nội lực quốc phòng - an ninh là yếu tố bảo đảm cho môi trường hòa bình và ổn định. Không chỉ dừng ở sức mạnh quân sự, nội lực này còn bao hàm năng lực dự báo, phòng ngừa và xử lý hiệu quả các nguy cơ từ sớm, từ xa, giữ vững độc lập, chủ quyền, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

Nội lực đối ngoại và hội nhập quốc tế phản ánh khả năng chủ động mở rộng không gian phát triển. Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa giúp Việt Nam kết nối hiệu quả giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, nâng cao vị thế và khả năng định hình quan hệ quốc tế.

Xây dựng nội lực toàn diện không chỉ củng cố sức mạnh từ bên trong mà còn tạo ra năng lực thích ứng chủ động, có khả năng bứt phá, chuyển hóa thách thức thành động lực phát triển. Đây chính là biểu hiện thực chất của “tự chủ chiến lược”: không lệ thuộc vào hoàn cảnh, mà chủ động kiến tạo hướng đi phù hợp. Tuy nhiên, các thế lực thù địch và phần tử cơ hội chính trị thường xuyên tung ra những luận điệu sai trái, thù địch nhằm xuyên tạc chủ trương xây dựng nội lực toàn diện của Đảng. Chúng cố tình bóp méo quan điểm “lấy nội lực là chủ đạo” là tư tưởng “khép kín”, phủ nhận đường lối hội nhập chủ động, tích cực; xuyên tạc sự lãnh đạo của Đảng như một “rào cản phát triển” làm suy yếu nền tảng chính trị của đất nước. Không dừng lại ở đó, chúng còn thổi phồng sự phụ thuộc kinh tế để phủ nhận năng lực tự chủ, hạ thấp giá trị văn hóa, con người, xuyên tạc nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và bóp méo đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ thành “thiếu nhất quán”. Thực chất, đây là những cách nhìn phiến diện, có chủ đích, nhằm phủ nhận tính khoa học và thực tiễn của đường lối đối ngoại.

3.1.3. Giải pháp nhằm hiện thực hóa chủ trương “tự chủ chiến lược”, kiên quyết đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc

Hiện thực hóa chủ trương “tự chủ chiến lược” theo tinh thần Đại hội XIV không chỉ là yêu cầu về nhận thức, mà trước hết là nhiệm vụ mang tính toàn diện, đồng bộ, gắn chặt giữa xây dựng nội lực với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Thứ nhất, cần tiếp tục củng cố vững chắc nội lực chính trị, là nền tảng của sức mạnh quốc gia. Điều này đòi hỏi kiên định vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động trong toàn hệ thống chính trị. Đồng thời, phải kiên quyết đấu tranh ngăn chặn các biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, bảo vệ vững chắc nền tảng chính trị - tư tưởng của chế độ.

Thứ hai, cần đẩy mạnh xây dựng nội lực kinh tế theo hướng độc lập, tự chủ gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả. Trọng tâm là nâng cao năng lực nội sinh của nền kinh tế thông qua phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng các doanh nghiệp có sức cạnh tranh cao; bảo đảm an ninh kinh tế trong các lĩnh vực then chốt. Tự chủ kinh tế không phải là khép kín mà là làm chủ quá trình hội nhập, chủ động tham gia và định hình các chuỗi giá trị toàn cầu, qua đó nâng cao khả năng ứng phó trước các biến động từ bên ngoài.

Thứ ba, cần phát huy mạnh mẽ nội lực văn hóa, con người và xã hội với tư cách là chiều sâu của sức mạnh quốc gia. Xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; củng cố niềm tin xã hội; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc - đó chính là nền tảng tinh thần và “thế trận lòng dân” vững chắc cho phát triển bền vững. Trong quá trình đó, phải chủ động nhận diện, phản bác các quan điểm sai trái nhằm hạ thấp vai trò của văn hóa, con người hoặc lợi dụng những hạn chế trong phát triển kinh tế - xã hội để phủ nhận con đường phát triển của đất nước.

Thứ tư, cần tăng cường nội lực quốc phòng - an ninh gắn với đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc; nâng cao năng lực dự báo, chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa các nguy cơ; kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Trên lĩnh vực đối ngoại, tiếp tục phát huy vai trò chủ động, linh hoạt, giữ vững cân bằng chiến lược, mở rộng không gian phát triển, kết hợp chặt chẽ giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trên cơ sở lợi ích quốc gia - dân tộc.

Thứ năm, cần đặc biệt coi trọng nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, thông tin, truyền thông trong bối cảnh mới. Chủ động cung cấp thông tin chính thống, kịp thời; nâng cao sức thuyết phục của luận cứ lý luận và thực tiễn; tăng cường đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng và trong đời sống xã hội. Qua đó, không chỉ bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng mà còn củng cố niềm tin của Nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội - nguồn lực nội sinh quan trọng nhất để hiện thực hóa thành công chủ trương “tự chủ chiến lược” trong giai đoạn phát triển mới.

3.2. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, từ triết lý “dĩ bất biến ứng vạn biến” của Hồ Chí Minh đến chủ trương “tự chủ chiến lược” của Đảng là một quá trình phát triển liên tục, nhất quán về tư duy đối ngoại của cách mạng Việt Nam. Nếu tư tưởng của Hồ Chí Minh đặt nền tảng ở sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và lợi ích quốc gia, thì tại Đại hội XIV, Đảng ta đã phát triển thành tư duy chủ động kiến tạo thế và lực quốc gia trong điều kiện toàn cầu hóa và cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt. Điều đó cho thấy đường lối đối ngoại “tự chủ chiến lược” của Đảng không phải mang tính ứng phó tình thế, mà là kết quả của sự kế thừa lý luận và tổng kết thực tiễn sâu sắc. Bài viết cũng cho thấy các luận điệu xuyên tạc về “tự chủ chiến lược” thực chất nhằm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, làm suy giảm niềm tin vào đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ. Tuy nhiên, thực tiễn đối ngoại của Việt Nam thời gian qua đã khẳng định tính đúng đắn của phương châm kiên định nguyên tắc nhưng linh hoạt về sách lược, đồng thời chứng minh năng lực thích ứng và bản lĩnh chiến lược của Việt Nam trong bối cảnh quốc tế biến động phức tạp hiện nay.

4. Kết luận

Từ triết lý “dĩ bất biến ứng vạn biến” của Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên độc lập đến chủ trương “tự chủ chiến lược” của Đảng ta trong kỷ nguyên phát triển mới là sự kế thừa và phát triển nhất quán tư duy đối ngoại, thể hiện tầm vóc trí tuệ, bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng ta. Nếu “bất biến” được xác lập là độc lập dân tộc và lợi ích quốc gia, thì “tự chủ chiến lược” chính là sự phát triển sáng tạo triết lý ấy trong điều kiện toàn cầu hóa và cạnh tranh nước lớn ngày càng gay gắt. Đó là sự kết hợp biện chứng giữa kiên định mục tiêu chiến lược với linh hoạt về sách lược và phương thức hành động. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã khẳng định tính đúng đắn và giá trị khoa học của đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đồng thời cung cấp luận cứ thực tiễn thuyết phục để bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh mới.

Tài liệu tham khảo

- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2000). *Văn kiện Đảng toàn tập*. t.7. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*. t.2. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Hồ Chí Minh Toàn tập*. (2011). t.5,8,10. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Philippe Devillers. (2003). *Paris - Saigon - Hanoi*. Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng. (2016). *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*. t.2. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.